

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

NGÔ THỊ NĂM

**GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KINH TẾ
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành: *Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng*

Mã số: 5.02.09

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

9106

HÀ NỘI - NĂM 2002

Công trình được hoàn thành tại:
Học Viện Tài Chính

Người hướng dẫn khoa học: PGS, TS Trần Văn Tá
TS Đinh Văn Nhã

Phản biện 1: PGS. TS Nguyễn Đình Kiệm
Học viện Tài chính

Phản biện 2: PGS. TS Nguyễn Đình Phan
Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Phản biện 3: PGS.TS Nguyễn Công Nghiệp
Bộ Tài chính

Luận án sẽ được bảo vệ tại hội đồng chấm luận án cấp Nhà Nước
họp tại: Phòng bảo vệ luận án - Học viện Tài chính

Vào hồi:.....giờ, ngày.....tháng.....năm 2002

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện: Học Viện Tài Chính

Mở đầu

1 Sự cần thiết và lý do nghiên cứu:

Cơ sở hạ tầng kinh tế (CSHTKT) là một hệ thống điều kiện vật chất - kỹ thuật quan trọng, có tác dụng to lớn đối với sự phát triển KT - XH của một quốc gia, của một thành phố, một đô thị, đặc biệt là các đô thị lớn như thành phố Hà Nội. Ở nước ta, trong nhiều thập kỷ qua Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách và giải pháp cụ thể để tập trung nguồn lực cho việc xây dựng và phát triển CSHTKT của thành phố Hà Nội, nhưng hệ thống CSHTKT hiện tại của Hà Nội là rất thấp so với nhu cầu phát triển KT - XH của một thành phố lớn, chưa nói đến Hà Nội lại là một Thủ đô anh hùng của cả nước.

Riêng về vấn đề huy động vốn đầu tư xây dựng CSHTKT, trong thời gian qua, chính quyền thành phố Hà Nội đã có nhiều cố gắng, vận dụng nhiều giải pháp nhưng vẫn có những hạn chế nhất định như: hình thức huy động vốn còn đơn điệu, chưa phù hợp vào đặc điểm của Thành phố Hà Nội. Vì vậy, bài toán cấp bách nhất hiện nay là huy động vốn cho đầu tư xây dựng CSHTKT ở Hà Nội.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài:

Làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về CSHTKT, về vấn đề đầu tư huy động vốn và phân cấp quản lý đầu tư giữa Trung ương và địa phương để giải quyết vấn đề xây dựng CSHTKT: Nghiên cứu các kinh nghiệm huy động vốn cho đầu tư xây dựng CSHTKT và đánh giá thực trạng huy động vốn đầu tư, rút ra các mặt được, các mặt tồn tại, nhằm tạo căn cứ thực tiễn cho việc đề ra các giải pháp.

Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đẩy mạnh việc huy động vốn đầu tư xây dựng CSHTKT của thành phố Hà Nội và hệ thống giải pháp tạo điều kiện bảo đảm cho sự huy động vốn có hiệu quả.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu của luận án là tổng thể các vấn đề huy động vốn đầu tư CSHTKT của thành phố Hà Nội. Phạm vi nghiên cứu là chỉ tập trung nghiên cứu các nội dung có liên quan đến huy động vốn đầu tư CSHTKT, không nghiên cứu các vấn đề phân bổ, sử dụng vốn.

4. Phương pháp nghiên cứu :

Luận án sử dụng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử trên cơ sở các học thuyết kinh tế, các phương pháp khái quát hoá, hệ thống hoá, so sánh, phân tích và tổng hợp, thống kê...

5. Kết cấu luận án : Luận án được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở hạ tầng kinh tế và việc huy động vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Chương 2: Thực trạng huy động vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Chương 3: Giải pháp huy động vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Chương 1

CƠ SỞ HẠ TẦNG KINH TẾ VÀ VIỆC HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Chương này tập trung đi sâu nghiên cứu 4 nội dung, đó là :

- Những vấn đề lý luận cơ bản về cơ sở hạ tầng kinh tế
- Một số vấn đề lý luận cơ bản về vốn và huy động vốn đầu tư xây dựng CSHTKT trong cơ chế thị trường.
- Mối quan hệ giữa các cấp chính quyền về phân cấp tài chính và quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế .
- Kinh nghiệm của các nước về huy động vốn đầu tư CSHT kinh tế.

Sau khi đưa ra các quan niệm khác nhau về cơ sở hạ tầng kinh tế (CSHTKT) luận án khẳng định: Cơ sở hạ tầng kinh tế vừa là một bộ phận của lực lượng sản xuất, vừa là một bộ phận của quan hệ sản xuất xã hội và có thể được định nghĩa khái quát là toàn bộ

những điều kiện vật chất - kỹ thuật phục vụ cho quá trình sản xuất và đời sống xã hội của con người.

Cơ sở hạ tầng có thể được phân loại dựa vào 7 tiêu chuẩn:

-Thứ nhất là phân theo công dụng: Cơ sở hạ tầng thành cơ sở hạ tầng sản xuất và cơ sở hạ tầng phi sản xuất

-Thứ hai là phân loại theo hình thái biểu hiện: Cơ sở hạ tầng phân thành cơ sở hạ tầng vật chất và cơ sở hạ tầng phi vật chất.

-Thứ ba là phân theo quyền sở hữu và nguồn hình thành: Cơ sở hạ tầng được phân thành cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu công cộng, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân.

-Thứ tư là phân theo ngành kinh tế xã hội: Cơ sở hạ tầng được phân thành các ngành như giao thông vận tải, thông tin liên lạc ...

- Thứ năm là phân theo quản lý và đối tượng quản lý với việc phân CSHT thành CSHT do các Bộ, ngành Trung ương là chủ đầu tư chính, là người sở hữu chính và hệ thống CSHT do chính quyền địa phương quản lý và đầu tư là chính...

-Thứ sáu là phân theo vùng, lãnh thổ.

-Thứ bảy là phân theo chất lượng kỹ thuật: có CSHT đạt chất lượng cao và quốc tế.

Sáu thành phần cơ bản của hệ thống CSHTKT thành phố là: Hệ thống đường giao thông vận tải; Hệ thống năng lượng; Hệ thống cấp nước và thoát nước; Hệ thống thông tin liên lạc; Hệ thống môi trường sinh thái và các công trình CSHTKT khác của thành phố.

Về vai trò của CSHTKT Thành phố, luận án cho rằng CSHTKT có 6 vai trò cơ bản: *Một là*, CSHT cung cấp điều kiện vật chất - kỹ thuật tạo nên tầng cần thiết cho sản xuất và đời sống của con người và của toàn xã hội; *hai là*, CSHT góp phần tiết kiệm xã hội, hạ giá thành sản phẩm, tăng năng xuất lao động; *ba là*, CSHT góp phần khai thác và sử dụng nguồn nguyên liệu sẵn có và các nguồn tiềm năng của đất nước và của Thủ đô; *bốn là*, CSHT được chuẩn bị tốt là cơ sở tạo môi trường hấp dẫn để thu hút vốn đầu tư

có hiệu quả và cuối cùng là CSHT kinh tế còn góp phần nâng cao khả năng bảo vệ an ninh quốc phòng của đất nước và của Thủ đô.

Đề cập đến khái niệm vốn đầu tư, Luận án đưa ra định nghĩa khái quát: *Vốn là toàn bộ những yếu tố có giá trị hữu hình và vô hình để cấu thành hoạt động SXKD, được hình thành nên từ các nguồn lực kinh tế, sản phẩm lao động thặng dư của người lao động được tích lũy qua nhiều thế hệ và giá trị của các nguồn tài sản do thiên nhiên tạo ra.* Vốn đầu tư nói chung có một số đặc điểm phổ biến như: Vốn phải vận động; được biểu hiện bằng giá trị của một lượng tài sản nhất định; chứa đựng một tiềm năng đem lại các nguồn lợi vật chất và tinh thần nhất định cho người chủ sở hữu về vốn và có tính giới hạn.

Nguồn vốn đầu tư bao gồm : Nguồn vốn đầu tư trong nước và nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Luận án tập trung phân tích sâu đặc điểm di chuyển của các luồng vốn nước ngoài và đã khẳng định : Trên thế giới đang có xu hướng tài trợ truyền thống (cho vay ODA) sang dạng tài trợ thay thế (FDI), cho vay theo dự án, đầu tư gián tiếp qua TTCK, đầu tư qua các quỹ đầu tư cho vay nợ không có bảo lãnh, các khoản vay nợ tư nhân). Hiện tượng này xuất phát từ các lý do: *Thứ nhất*, khả năng vay nợ của các nước đang phát triển ngày càng giảm sút và ngược lại sẽ xuất hiện xu hướng ngược lại từ các nước đang phát triển về các nước phát triển; *Thứ hai*, quá trình tự do hoá, tư nhân hoá, cổ phần hoá và cải cách kinh tế sẽ đưa đến sự thay đổi vai trò của nhà nước và do đó , các nước đang phát triển sẽ cần một dạng tài trợ khác; *Thứ ba*, với dạng tài trợ thay thế hai bên sẽ cùng chia sẻ rủi ro, và nó có quan hệ mật thiết với thị trường hàng hoá, thị trường vốn của các nước đang phát triển , do đó nó sẽ ngày càng có ưu thế; *Thứ tư*, dạng tài trợ thay thế được tiến hành trên cơ sở trọn gói về vốn, công nghệ, kỹ thuật ...

Một nội dung có liên quan được luận án đề cập đến là chỉ ra 3 đặc điểm có tính đặc thù của các nguồn vốn đầu tư CSHTKT, đó là : Vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế đòi hỏi khối lượng lớn vì thời hạn dài; Có khả năng sinh lời thấp, có rủi ro cao vì thời gian thu hồi vốn dài và có hình thức biểu hiện không chỉ bằng

tiền, mà có thể là các nguồn vốn có giá trị tiềm năng như đất đai hoặc cơ chế, chính sách pháp luật được nhà nước sử dụng để biến các nguồn vốn tiềm năng thành các nguồn vốn thực đầu tư vào CSHTKT.

Về các hình thức huy động vốn đầu tư CSHTKT, luận án khẳng định có nhiều hình thức, nhưng có 4 hình thức chủ yếu là : Vốn đầu tư trực tiếp của Ngân sách Nhà nước; Vốn huy động thông qua phát hành trái phiếu đô thị ; Huy động vốn nước ngoài dưới hình thức ODA và FDI; Vốn huy động trên cơ sở thành lập quỹ đầu tư CSHT đô thị. Trong các hình thức này, thì vốn đầu tư trực tiếp NSNN có vai trò chủ yếu vì cơ sở hạ tầng là một loại hàng công cộng đòi hỏi vốn đầu tư lớn, thời hạn thu hồi vốn dài, thậm chí không có khả năng thu hồi, do đó, có độ rủi ro rất cao, không hấp dẫn các doanh nghiệp các thành phần kinh tế khác tham gia

Luận án đi sâu phân tích hình thức huy động vốn đầu tư CSHTKT thông qua việc phát hành trái phiếu đô thị. Đây là trường hợp chính phủ bảo lãnh hoặc cho phép chính quyền Thành phố phát hành trái phiếu đô thị để huy động vốn đầu tư các cơ sở hạ tầng. Hình thức trả nợ và thanh toán được lấy từ nguồn thu hồi qua khai thác các công trình CSHTKT. Việc phát hành trái phiếu đô thị có một số ưu điểm như: Giảm vốn đầu tư trực tiếp như giảm vốn đầu tư của NSNN; Đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng các diện tích công cộng của đô thị; Đa dạng hoá vốn đầu tư, tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động...

Về mối quan hệ giữa các cấp chính quyền trong việc phân cấp quản lý đầu tư và nguồn tài chính cho CSHTKT, luận án cho rằng : Trong nền kinh tế thị trường vấn đề đầu tư CSHTKT có hiệu quả phụ thuộc rất lớn vào việc giải quyết vấn đề trên bởi 2 lý do : Một là, CSHTKT đô thị là hệ thống công trình vừa phục vụ cho các mục tiêu cụ thể của địa phương, vừa phục vụ cho lợi ích quốc gia, do đó nó đòi hỏi sự đầu tư của cả chính quyền địa phương và chính quyền Trung ương; Hai là, nguồn vốn đầu tư cho việc xây dựng CSHTKT đô thị chủ yếu là vốn đầu tư của ngân sách , do đó nó

phụ thuộc rất lớn vào việc phân cấp nguồn thu tài chính như thế nào để mỗi cấp chính quyền có đủ nguồn lực tài chính nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ đầu tư xây dựng hệ thống CSHTKT đô thị .

Đề cập đến việc phân cấp mở rộng quyền cho chính quyền đô thị trong quản lý đầu tư xây dựng CSHTKT đô thị luận án khẳng định và kết luận:

-Phải làm rõ phạm vi phân công và hợp tác giữa trung ương và địa phương trong đầu tư CSHTKT trên cơ sở không thực hiện phân chia quyền hạn quyết định và phạm vi quản lý các dự án đầu tư CSHTKT giữa trung ương và địa phương theo số vốn đầu tư, mà dựa vào tính chất và phạm vi đầu tư để phân định như: Những dự án mang tính chất công ích xuyên khu vực và quốc gia thì do trung ương chịu trách nhiệm đầu tư, còn các dự án công ích của địa phương thì do địa phương quyết định đầu tư. Tuy nhiên điều này không có ý nghĩa là Chính quyền trung ương và địa phương không có sự hợp tác với nhau mà vai trò của Trung ương và địa phương rất quan trọng, nhưng các dự án đầu tư của địa phương thì vốn của địa phương là chính, cần xoá bỏ cơ chế trung ương và địa phương cũng là chủ đầu tư.

-Xây dựng các bộ luật về đầu tư xây dựng nhằm quy phạm hoá quan hệ giữa trung ương và địa phương trong đầu tư XD CB.

-Xây dựng chính sách đầu tư xây dựng CSHTKT đúng đắn để xác định rõ các CSHTKT ưu tiên cần đầu tư trong từng giai đoạn, tránh đầu tư trùng lặp.

-Tăng cường trách nhiệm của địa phương đối với các khoản đầu tư, làm cho chính quyền địa phương trở thành các chủ đầu tư và chủ thể điều tiết đầu tư quan trọng.

Đề cập đến việc hợp lý hoá cơ cấu tài chính giữa các cấp chính quyền trung ương và địa phương trong việc đảm bảo vốn đầu tư xây dựng CSHTKT, luận án đưa ra các nguyên tắc sau, trong đó nhấn mạnh:

-*Về trách nhiệm chi:* Phải xác định rõ 2 nguyên tắc kinh tế :
(1) các dịch vụ công cộng dành cho tất cả mọi người (như an ninh)

và các dịch vụ có thể giảm được chi phí do quy mô (như điện) thì do chính quyền Trung ương đảm nhận; (2) các dịch vụ công cộng có thể địa phương hoá (như hệ thống đường giao thông nội thị) thì do chính quyền địa phương chi đầu tư.

-Về phân cấp trách nhiệm thu thuế có 3 nguyên tắc kinh tế phải quán triệt là : Các loại thuế đánh vào các yếu tố sản xuất tương đối ổn định, có thuế suất lũy tiến, có cơ sở tính thuế nhạy cảm với chu kỳ kinh doanh hoặc cơ sở tính thuế không đồng đều giữa các chủ thể kinh tế (như thuế tài nguyên) phải do chính quyền trung ương thu. Các loại thuế có cơ sở tính thuế ổn định (như thuế đất, thuế tài sản) hoặc các loại thuế mà gánh nặng thuế không thể chuyển giao cho người khác được thì chính quyền Trung ương phải giao cho địa phương thu và cuối cùng là các loại thuế có số thu lớn có thể phân chia giữa Trung ương và địa phương như thuế thu nhập cá nhân, thuế VAT; thuế thu nhập doanh nghiệp.

Luận án đã hệ thống hoá và tổng hợp một số kinh nghiệm huy động vốn đầu tư, vốn đầu tư xây dựng CSHTKT ở một số nước trên thế giới, trong đó tập trung phân tích sâu 2 trường hợp đáng được nghiên cứu vận dụng :

-Sử dụng có hiệu quả công cụ trái phiếu đô thị trên cơ sở giao quyền chủ động và tự chủ cho chính quyền đô thị trong quản lý hệ thống CSHTKT rõ ràng; được phép vay vốn bằng phát hành trái phiếu, có đủ năng lực xây dựng các dự án đầu tư CSHT.

-Thiết lập chương trình tài chính đầu tư xây dựng CSHTKT đô thị phù hợp với cơ chế thị trường, bao gồm 2 bộ phận : Hỗ trợ về vốn đầu tư và hỗ trợ về kỹ thuật trên cơ sở một số điều kiện được đảm bảo như có sự tham gia tích cực của một số cơ quan trung ương vào chương trình, của một cơ quan tài chính trung gian như quỹ hỗ trợ đầu tư CSHTKT, các công cụ huy động vốn đa dạng, có cơ chế được thu hồi phí sử dụng CSHTKT, có đội ngũ cán bộ có năng lực xây dựng dự án và cuối cùng là sự cho phép của Trung ương cho địa phương được vay nợ trong giới hạn quy mô vay nợ tối thiểu.

Kết luận chương 1

Nội dung của chương này đã đề cập đến những vấn đề lý luận về CSHTKT, vốn và huy động vốn đầu tư xây dựng CSHTKT. Trong đó tập trung vào việc phân tích các giải pháp huy động vốn đầu tư xây dựng CSHTKT.

Chương 2

THỰC TRẠNG HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Chương này tập trung phân tích 2 nội dung lớn là:

-Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế ở Hà Nội giai đoạn 1991- 2000

-Thực trạng huy động vốn đầu tư xây dựng CSHTKT của Hà Nội 10 năm qua.

Sau 15 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Thành phố, HĐND và UBND Thành phố Hà nội, sự chỉ đạo sát sao của Đảng và Chính phủ, sự giúp đỡ của các Bộ ngành Trung ương, hệ thống CSHTKT của Thành phố đã có sự phát triển nhanh về số lượng và chất lượng, đạt được một số kết quả nổi bật trên các mặt như:

-Về giao thông vận tải : Trong giai đoạn 1991 - 1995 đã cải tạo xây dựng được 34 tuyến đường mới và trong 3 năm 1996 - 1999 xây dựng được 34 km đường, năm 1999 được 29,2 km

-Về thông tin liên lạc: Số tổng đài điện thoại năm 1990 là 254; năm 1997: 495; Số điện thoại thuê bao năm 1990 là 254 ; năm 1995 : 32.753; năm 1996 : 195.225; năm 1999 : 321.800 gấp hơn 19 lần so với năm 1990. .. Trình độ công nghệ đạt mức trung bình ở khu vực và đã hoà mạng trên diện rộng khu vực và quốc tế.

-Về hệ thống cấp nước và thoát nước: Nếu như năm 1990 Hà Nội chỉ có một nhà máy cấp nước Yên phụ và 6 giếng nước ngầm, thì đến năm 1995 có 12 và năm 1999 là 14. Tỷ lệ hao hụt giảm từ 50% xuống còn 30% hiện nay. Về thoát nước, năm 1999 Hà Nội đã có 74 km cống thoát nước, thì hiện nay đã cải tạo được các sông thoát nước như sông Kim Ngưu, Sông sét , Sông Tô Lịch,

đặc biệt là việc lắp đặt trạm bơm dầu mỗi ở Yên Sở với công suất 15m³/ giây vào tháng 6/1999.

-Về hệ thống điện: Cho đến nay Hà Nội đã có hệ thống nguồn điện tương đối đầy đủ: 2 trạm 220/110KV và 195 km đường dây 110kv, đã có 100% số xã trên địa bàn Thành phố có điện, đáp ứng các nhu cầu tiêu dùng trong sinh hoạt và sản xuất kinh doanh của nhân dân Thủ đô.

-Về hệ thống chiếu sáng đô thị Hà Nội và môi trường sinh thái: Nếu như năm 1990 đã lắp đặt được 44,4km đường dây mới, cải tạo 53 km đường dây cũ và lắp đặt thêm 120 mét tín hiệu giao thông; hệ thống chiếu sáng tăng từ 70 % lên 90% đường phố chính vào năm 1997 và hiện nay đạt gần 100%. Công tác thu gom rác thải có tiến bộ lớn, đã xoá bỏ 94 điểm rác thải trên đường phố, thu gom rác tăng 1,5 lần so với 1990.

Tuy nhiên hệ thống CSHTKT của Thành phố đang bộc lộ nhiều bất cập cần phải tiếp tục nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới. Cụ thể là: Trong lĩnh vực đường giao thông vận tải, hệ thống đường xe buýt công cộng bị cắt xén, thiếu lưu thông, chưa tạo thành mạng, bề rộng của đường hẹp và có chiều dài ngắn không phù hợp, thiếu hệ thống cầu vượt, hầm điện ngầm, đường trên cao; Trong lĩnh vực thông tin liên lạc, tuy công nghệ khá nhưng mới chỉ đáp ứng được 50% nhu cầu sử dụng và mới chỉ có 16 máy điện thoại /100 dân , giá cước thuê bao sử dụng và cước bưu điện còn cao; Trong lĩnh vực cung cấp nước sạch, mới chỉ có 90% dân nội thành sử dụng nước sạch, áp lực và công suất của các nhà máy nước còn yếu, hệ thống thoát nước còn bất cập v.v..

Các nguyên nhân chính làm cho hệ thống CSHTKT của Hà Nội còn bất cập là:

Nhóm thứ nhất: Quy hoạch đầu tư xây dựng hệ thống CSHTKT ở Hà Nội còn có nhiều yếu kém, thiếu đồng bộ, chưa có tính dài hạn, tuy mới gần đây được công khai nhưng thiếu quy hoạch chi tiết.

Nhóm thứ hai: Hiện nay có khá nhiều các dự án xây dựng CSHTKT được duyệt, nhưng vẫn chưa có thể triển khai đúng tiến độ với lý do cơ bản là việc giải phóng mặt bằng còn có rất nhiều khó khăn, vướng mắc ở nhiều vấn đề như giá đền bù, thủ tục đền bù, việc chuẩn bị các công trình di dân, việc giải quyết các vấn đề xã hội, quyền lợi của các đối tượng có liên quan chưa được xử lý thoả đáng.

Nhóm thứ ba: Trong thời gian qua Trung ương và địa phương đã giành một nguồn lực đáng để hỗ trợ và đầu tư phát triển hệ thống CSHTKT của Thành phố, nhưng rất nhiều công trình chưa có hiệu quả và chất lượng, lãng phí còn lớn là ở đây có nhiều nguyên nhân nhưng lý do cơ bản là quản lý chất lượng xây dựng các công trình còn quá yếu kém.

Nhóm thứ tư: Nguyên nhân chủ yếu của sự tồn tại, yếu kém cả về số lượng và chất lượng của hệ thống CSHTKT ở Hà Nội hiện nay là do sự phân cấp quản lý và đầu tư xây dựng CSHTKT chưa rõ ràng, cụ thể không xác định được trách nhiệm của các chủ thể có liên quan.

Nhóm thứ năm: Nguyên nhân của tồn tại, yếu kém về CSHTKT ở Hà Nội là thiếu nguồn vốn đầu tư.

Về thực trạng huy động vốn đầu tư xây dựng CSHTKT Hà Nội 10 năm qua:

-Về vốn đầu tư Ngân sách Nhà nước:

Hiện nay, chi NSNN cho xây dựng CSHTKT trên địa bàn thành phố Hà Nội chủ yếu từ:

+Vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung hàng năm được đầu tư theo 2 kênh: *Một là*, các dự án đầu tư của các Bộ, ngành quản lý trên địa bàn; *hai là*, từ NSDP bố trí theo dự toán năm.

+Vốn đầu tư từ NSDP để lại 100% theo Nghị quyết của Quốc hội (tiền thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất, bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước, Xổ số kiến thiết)

+Vốn đầu tư ngân sách cho các chương trình mục tiêu, gồm cả Ngân sách Trung ương và Ngân sách địa phương, vốn đầu tư xây dựng cơ bản và vốn sự nghiệp.

+Nguồn vốn Ngân sách địa phương trích ra hỗ trợ lãi xuất vay Ngân hàng thương mại cho một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng, trong đó có các dự án CSHTKT.

Trong giai đoạn 1991-2006 Thành phố đã tăng chi cho hệ thống CSHTKT. Ví dụ: Đầu tư cho giao thông vận tải năm 2000 là 248.664 triệu đồng, gấp 2,5 lần so với năm 1995; cho thoát nước thậm chí tăng 33 lần so với năm 1995, từ 16.248 triệu đồng tăng lên đến 356.000 triệu đồng vào năm 2000. Riêng lĩnh vực cung cấp điện chiếu sáng luôn giữ mức chi ổn định.

Nếu so với tổng chi ngân sách và chi đầu tư xây dựng cơ bản của Thành phố thì có thể thấy, chi đầu tư xây dựng CSHTKT năm 1991 chiếm khoảng 76,5% tổng chi đầu tư xây dựng cơ bản và xấp xỉ khoảng 22% tổng chi của ngân sách Thành phố và tương ứng của các năm như sau : 1992 : 39% và 10%, 1993: 59% và 12%, 1999 : 90% và 23% và năm 2000 là 72% và 16%. Qua đó có thể thấy Hà nội đã chú trọng tăng đầu tư cho cơ sở CSHTKT, đặc biệt là tăng vào các năm 1998 với mức tăng 65% so với năm 1997 và năm 1999 cũng tương đương khoảng 63% so với năm 1996. Tuy nhiên vậy mức đầu tư vẫn thấp hơn so với nhu cầu.

Tình hình trên có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau. Về nguyên nhân khách quan, trước hết cần phải thấy rằng quy mô kinh tế của Hà nội cũng còn nhỏ. Mặt khác, tỷ lệ chi đầu tư của ngân sách Thành phố cho xây dựng cơ bản cũng ở mức trung bình trong cả nước (từ 24- 26%) so với tổng chi ngân sách, chưa phải là cao vì các khoản chi sự nghiệp văn xã và các khoản chi khác cũng hết sức cấp bách. Trong khi đó khả năng tự huy động vốn cho đầu tư xây dựng hệ thống CSHTKT cũng gặp nhiều khó khăn do các quy định quản lý tài chính ngân sách theo quy định hiện hành có một số bất cập.

- Về huy động vốn đầu tư của các tổ chức trung gian tài chính, Luận án cho rằng: Ngành ngân hàng thành phố đã huy động

trực tiếp được một lượng vốn tín dụng đáng kể cho đầu tư phát triển KT-XH của Thành phố. Cụ thể là năm 1999 vốn huy động trực tiếp có số hoạt động trên 52.000 tỷ đồng tăng 24,5% so với năm 1995. Các hình thức tiền gửi tiết kiệm vẫn là các hình thức chủ yếu để huy động vốn của dân và các tổ chức Ngân hàng trong giai đoạn 1991- 2000 có thể thấy tỷ lệ cho vay vốn tín dụng dài hạn ở các năm 1992-1994 còn thấp, mới chiếm khoảng 10- 15% tổng dư nợ tín dụng ngân hàng.

Tuy nhiên, vốn tín dụng của các tổ chức trung gian tài chính cho đầu tư CSHTKT trên địa bàn thành phố Hà nội là rất thấp, có chăng cũng chỉ là các khoản vay tín dụng ngắn hạn để tạm thời thanh toán các khoản mua nguyên vật liệu khi chưa có các nguồn vốn thanh toán của chủ đầu tư. Bởi vì phần lớn các dự án đầu tư CSHTKT là các dự án đầu tư có nguồn của Ngân sách nhà nước hoặc là vốn nước ngoài dưới dạng ODA.

-Vốn đầu tư của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và của dân cư.

Theo số liệu thống kê của Cục thống kê Hà nội, phần vốn đầu tư (tự đầu tư thêm) của các doanh nghiệp Nhà nước và các doanh nghiệp ngoài thành phần Nhà nước cho ngành xây dựng cơ bản có xu hướng ngày càng tăng qua các năm. Cụ thể: phần vốn của DNNN đã đầu tư thêm chiếm 17,8% tổng số vốn trong nước đầu tư cho XDCB năm 1996; Tiếp theo năm 1997 tuy có giảm xuống còn 15,1% nhưng lại tăng 32,0% năm 2000. Vốn đầu tư của các doanh nghiệp ngoài Nhà nước cũng có sự thay đổi tích cực : Từ chỗ chiếm 15,4% đã tăng lên đến 23,5% tổng vốn trong nước vào năm 2000. Đặc biệt đáng chú ý là tỷ lệ đóng góp xây dựng đường làng ngõ xóm của nhân dân chiếm tỷ lệ khá: năm 1996 khoảng 150 tỷ đồng (chiếm 1,2% tổng số vốn trong nước đầu tư cho xây dựng cơ bản ; năm 1997: 200 tỷ đồng (tỷ lệ tương ứng là 1,3%); năm 1999: 200 tỷ (tỷ lệ là 1,8%) và năm 2000 cũng thu hút được khoảng 200 tỷ chiếm gần 1,2% tổng nguồn vốn trong nước.

Tuy nhiên dưới góc độ cụ thể liên quan đến việc huy động vốn của các doanh nghiệp các thành phần kinh tế cho đầu tư xây

dụng CSHTKT của Thành phố Hà Nội thì cũng có một số tồn tại nhất định. Cụ thể là:

- Thứ nhất là: Các chủ thể đầu tư xây dựng hệ thống CSHTKT Thành phố chủ yếu là do Nhà nước và chính quyền thành phố thực hiện; Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế chưa có đủ điều kiện về môi trường pháp lý để tham gia đầu tư.

- Thứ hai là: Thời gian qua nhiều doanh nghiệp đã chủ động ứng vốn ra để triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng do trúng thầu xây dựng nhưng các cơ quan nhà nước thường thanh toán chậm, do đó chưa thực sự khuyến khích họ bỏ vốn đầu tư mạnh. Do đó mức đầu tư của các doanh nghiệp còn hạn chế.

- Thứ ba là: Hoạt động đầu tư xây dựng CSHTKT như trên đã phân tích là hoạt động có tỷ lệ thu lời thấp, rủi ro cao, thời gian thu hồi vốn lâu, lại là lĩnh vực đầu tư mà nhà nước chưa có các quy định ưu đãi đặc biệt, do đó chưa hấp dẫn sự tham gia của nhiều doanh nghiệp.

Về huy động các nguồn tài chính tiềm năng như đất đai: Trên địa bàn Thành phố từ ngày 15/10/1993, Luật đất đai có hiệu lực thi hành. Chính phủ và các ngành Trung ương đã có các văn bản chỉ đạo thực hiện và sau khi Luật lại được sửa đổi năm 1998, chính quyền Thành phố Hà Nội đã từng bước thực hiện các công việc giao quyền sử dụng đất, cho thuê đất, chuyển dịch quyền sử dụng đất giữa các chủ thể trên địa bàn Thủ đô.

Về nguồn vốn bên ngoài luận án cho rằng: Hà Nội thu hút chủ yếu từ ODA và FDI.

Vay vốn ODA: Giai đoạn 1996- 2000, Thành phố đã chú trọng thu hút vốn ODA và đã trực tiếp nhận 35 dự án hợp tác đa phương và song phương với tổng số vốn tài trợ đã cam kết là 492,59 triệu USD , trong đó các dự án thoát nước, cấp nước IA giai đoạn 1995-2000 với số vốn vay của OECEF (Nhật bản) là 1.760 tỷ đồng cho giai đoạn I và 1.947 tỷ đồng cho giai đoạn II từ 2001-2005; Các dự án xây dựng đô thị Bắc Thăng long với giá trị 104 triệu USD, Nam Thăng long là 60 triệu USD; Dự án nâng cấp

mở rộng đường vành đai I (Kim liên- Ô Chợ dứa) là 45 triệu USD; Dự án phát triển phương tiện giao thông công cộng đô thị là 50 triệu USD ..v..v..

Tuy nhiên kết quả huy động vốn ODA của Hà Nội trong hơn 10 năm đổi mới chưa đạt kết quả mong muốn, tổng số vốn ODA huy động được còn thấp. Phần lớn số vốn ODA huy động được từ Nhật bản (vốn là nước cho vay ODA xếp thứ nhất cả cho Việt nam và Hà nội); một phần nhỏ từ Pháp và một vài nước khác như Phần lan, Hàn quốc ...

Thu hút vốn FDI: Hà Nội đứng thứ 2 sau Thành phố Hồ Chí Minh về thu hút vốn FDI trong cả nước có 4,48 tỷ USD, chiếm 22,8% tổng vốn FDI vào Việt Nam. Quy mô vốn đầu tư một dự án đang hoạt động ở Hà Nội tương đối lớn, đạt trung bình khoảng 19,7 triệu USD gấp 1,5 lần Thành phố Hồ Chí Minh; Khoảng 75% dự án đầu tư liên doanh, 16% dự án hợp doanh, 10% dự án dưới hình thức 100% vốn nước ngoài. Tuy nhiên, vốn FDI có đầu tư cho CSHTKT thì chủ yếu đầu tư cho CSHTKT các khu công nghiệp của thành phố.

Về nguyên nhân của những tồn tại, yếu kém trong thu hút vốn đầu tư trong nước cho xây dựng hệ thống CSHTKT trên địa bàn Thành phố Hà Nội thời gian qua luật án cho rằng:

-Về các nguyên nhân khách quan, có thể có một số lý do chủ yếu là:

Một là: Việc phân cấp các nguồn thu tài chính giữa Ngân sách Nhà nước và ngân sách địa phương (trong đó có Ngân sách Thành phố Hà Nội) còn bất hợp lý, chưa tạo điều kiện cho Hà Nội có đủ nguồn ngân sách để chủ động đầu tư phát triển, trong đó có nhiệm vụ xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế.

Hai là, Hệ thống cơ chế, chính sách kinh tế - tài chính vĩ mô chưa đầy đủ, chưa đồng bộ để tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho việc giao lưu các luồng vốn và sự chuyển hoá các khoản tiền tiết kiệm thành các khoản vốn đầu tư dài hạn, các nguồn tài nguyên như đất thành vốn đầu tư ..

- Về các nguyên nhân chủ yếu, nổi lên có một số vấn đề chủ yếu, đang được nhấn mạnh là:

Thứ nhất là: Các cơ quan quản lý Nhà nước và các doanh nghiệp xây dựng hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội còn bị động, mang nặng tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào bao biện, "bao sân" xây dựng các công trình từ Ngân sách Nhà nước, chưa linh hoạt tham mưu cho chính quyền Thành phố hoặc sớm đề xuất với Chính phủ Trung ương để có cơ chế tạo điều kiện cho Hà Nội có điều kiện thuận lợi phát triển mạnh hơn, bền vững hơn.

Thứ hai là: Năng lực cán bộ, công chức ở một số Sở, Ban, ngành của Thành phố Hà Nội cũng có những bất cập nhất định, nhất là các cơ quan tài chính, chưa kịp thời có những tham mưu tốt cho chính quyền về các giải pháp huy động các nguồn lực tài chính.

Về nguyên nhân của các tồn tại trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài, Luận án nhấn mạnh rằng: Cũng như các lý do hạn chế khả năng thu hút vốn đầu tư trong nước cho đầu tư xây dựng hệ thống CSHTKT, trong việc thu hút vốn nước ngoài của Hà Nội thời gian qua chưa đạt được kết quả như mong muốn có các lý do bên trong và bên ngoài tác động mạnh. *Về các yếu tố bên ngoài,* đó là cơ chế, chính sách của Nhà nước chưa thực sự thông thoáng, mở cửa cho các nhà đầu tư nước ngoài có cơ hội đầu tư vào các lĩnh vực CSHTKT như thông tin, liên lạc, do đây là lĩnh vực còn có sự độc quyền của Nhà nước. Ngoài ra, cũng cần phải thấy có thêm một lý do quan trọng khác, đó là môi trường đầu tư nước ngoài ở nước ta và cả ở Hà nội chưa đáp ứng được yêu cầu có tính sinh lời của các nguồn vốn FDI. Bởi vì, hầu hết giá cả của các sản phẩm dịch vụ công cộng như điện, như nước sạch đều do nhà nước quy định mức trần thấp hơn so với giá thị trường. Việc khống chế giá cả như vậy không cho phép các doanh nghiệp hấp dẫn bỏ vốn đầu tư, chưa nói đến các doanh nghiệp FDI.

Về các yếu tố bên trong: Tình hình thu hút vốn nước ngoài chưa tương xứng có lý do chủ quan, thể hiện ở chỗ là: Việc chuẩn bị các dự án để kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài chưa thực sự được

chú trọng, nhất là các danh mục dự án thu hút vốn FDI dưới hình thức BT, BOT hoặc các dự án kêu gọi là vốn ODA còn có nhiều vướng mắc về thủ tục hành chính trong các khâu. Ngoài ra, các công việc xúc tiến, vận động các nhà tài trợ cũng chưa được quan tâm đúng mức.

Kết luận chương 2

Việc huy động vốn đầu tư xây dựng CSHTKT ở thành phố Hà Nội trong những năm qua đã đạt được một số kết quả nhất định nhưng vẫn không tránh khỏi những hạn chế. Chương này đã phân tích các nguyên nhân tồn tại của từng giải pháp huy động vốn đầu tư xây dựng CSHTKT trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Chương 3

GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

Chương này tập trung phân tích và lý giải 4 nội dung lớn là:

-Các mục tiêu và định hướng cơ bản trong quy hoạch xây dựng và phát triển hệ thống CSHTKT của Thành phố Hà Nội đến năm 2010.

-Nhu cầu về vốn và một số quan điểm tạo lập vốn đầu tư CSHTKT của Thành phố Hà Nội.

-Những giải pháp huy động vốn đầu tư CSHTKT của Thành phố Hà Nội.

-Hệ thống điều kiện đảm bảo cho việc thực hiện các giải pháp huy động vốn đầu tư CSHTKT của Thành phố Hà Nội.

Trên cơ sở phân tích mục tiêu, định hướng xây dựng CSHTKT của thành phố Hà Nội, Luận án cho rằng nhu cầu vốn đầu tư trong nước cho cơ sở hạ tầng ở Thành phố Hà Nội đến năm 2010 là rất quan trọng.

Về quan điểm huy động vốn đầu tư CSHTKT của Thành phố, luận án đưa ra 3 quan điểm lớn, đó là:

Một là: Phải thực hiện triệt để nguyên tắc coi nguồn vốn trong nước là quyết định, nguồn vốn bên ngoài là quan trọng để thu hút tối đa các nguồn lực của Thành phố, của các tỉnh - Thành phố trong cả nước vì sự hỗ trợ của Ngân sách Trung ương và thu hút các nguồn vốn vay ưu đãi của nước ngoài cho đầu tư xây dựng CSHTKT của thành phố Hà Nội.

Hai là: Phải đa dạng các hình thức thu hút vốn, các tổ chức và định chế thuộc các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng hệ thống CSHTKT của Thành phố.

Ba là: Phải kết hợp chặt chẽ việc huy động vốn với việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư thông qua cơ chế hoạt động của thị trường vốn và cơ chế cung cấp các sản phẩm dịch vụ công cộng của cơ chế thị trường.

Đề cập đến giải pháp huy động vốn đầu tư xây dựng CSHTKT của Thành phố, luận án tập trung 2 hệ thống giải pháp: *thu hút vốn đầu tư trong nước và thu hút vốn đầu tư nước ngoài.*

1. Giải pháp huy động vốn trong nước:

Một là, tăng tỷ lệ chi đầu tư xây dựng CSHTKT trong tổng chi đầu tư xây dựng cơ bản của Ngân sách Thành phố theo hướng có trọng tâm, trọng điểm nhằm giải quyết các vấn đề bức xúc, tạo tiền đề cho việc mở rộng và xây dựng hệ thống CSHTKT toàn diện trên địa bàn Thành phố.

Việc nâng cao tỷ lệ đầu tư vốn của Ngân sách Thành phố cho xây dựng hệ thống CSHTKT của Thủ đô được thực hiện trên cơ sở một số yếu tố. Cụ thể là:

- Tăng tỷ lệ động viên của Ngân sách Thành phố trên cơ sở thực hiện việc thu đúng, thu đủ các nguồn thu thuế, phí, lệ phí trong phạm vi đã được quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và Pháp lệnh về phí, lệ phí và được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua, bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/01/2002.

Một giải pháp tăng thu khác cho Ngân sách Thành phố có ý nghĩa hết sức quan trọng là đẩy mạnh công tác chống thất thu, chống gian lận thương mại, trốn thuế.

9106

Bên cạnh đó, Chính quyền Thành phố cần đề nghị với Chính phủ cho phép Hà Nội có thể quy định đặt ra và tổ chức thu một số khoản thu phí khác như phí đô thị, phí môi trường để tạo quỹ đầu tư cơ sở hạ tầng đô thị.

- Triệt để thực hiện tiết kiệm chi phí Ngân sách Thành phố dành cho chi thường xuyên. Chính quyền Thành phố cần chủ động tổ chức nghiên cứu đề xuất với Chính phủ cho phép áp dụng các định mức chi tiêu hành chính phù hợp với đặc điểm của Thành phố, nhất là xây dựng các đề án khoán chi hành chính đối với các đơn vị hành chính; Khoán thu và khoán chi đối với các đơn vị sự nghiệp có thu; Tổ chức sắp xếp lại các doanh nghiệp công ích...

- Tăng tỷ lệ chi xây dựng CSHTKT trong tổng vốn đầu tư cơ sở hạ tầng của Ngân sách Thành phố trên cơ sở giảm tỷ lệ chi đầu tư CSHTKT trong lĩnh vực phát triển nhà ở, Thể dục thể thao, Y tế, Giáo dục - đào tạo thông qua cơ chế xã hội hoá.

Hai là, tăng khả năng tự đầu tư và thu hút vốn đầu tư của hệ thống các doanh nghiệp Nhà nước do Thành phố quản lý, có chức năng kinh doanh và làm dịch vụ xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế của thành phố Hà Nội.

Trước hết, chính quyền Thành phố cần tập trung chỉ đạo tổ chức cải cách các doanh nghiệp Nhà nước do mình quản lý theo đúng tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 - Khoá IX.

Ba là, tăng cường thu hút vốn đầu tư của các Ngân hàng thương mại đối với các dự án đầu tư xây dựng CSHTKT của thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố đến năm 2010, có thể kết hợp vốn vay của các Ngân hàng thương mại với vốn đầu tư của Ngân sách và vốn vay nước ngoài để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng; thực hiện đầu tư phối kết hợp giữa vốn đầu tư của ngân sách với vốn đầu tư của Ngân hàng thương mại để hỗ trợ cho các công trình nghiên cứu thử nghiệm ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật hiện đại xử lý nước thải của các khu công nghiệp của bệnh viện, của các khu vực dân cư ...

Bốn là, huy động vốn đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế bằng phát hành trái phiếu công trình đô thị.

Đối chiếu với tình hình thực tế và dựa vào kinh nghiệm các nước, theo chúng tôi, Hà Nội hoàn toàn có đủ điều kiện để thực hiện việc phát hành Trái phiếu đô thị ở thị trường trong và ngoài nước nhằm thu hút vốn xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, đáp ứng yêu cầu hiện đại hoá và đô thị hoá với tốc độ nhanh.

Năm là, nhanh chóng xúc tiến thành lập Quỹ đầu tư cơ sở hạ tầng đô thị của Hà Nội để thống nhất quản lý tập trung các nguồn vốn đầu tư của Thành phố và thu hút thêm các nguồn vốn khác từ trong và ngoài nước cho đầu tư xây dựng CSHTKT trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Nguồn thành lập Quỹ có thể bao gồm:

- Một phần kết dự Ngân sách Thành phố hàng năm.
- Các khoản thu 100% của Ngân sách địa phương được bố trí sử dụng cho đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.
- Hỗ trợ từ Ngân sách Trung ương cho các dự án đầu tư xây dựng CSHTKT Thủ đô hàng năm.
- Các khoản phí đô thị (nếu được Nhà nước cho phép thu).
- Phụ thu trên giá một số mặt hàng sản phẩm như giá cước, giá cước lắp đặt điện thoại.
- Thu các khoản thu phí mới như: Thu phí đối với các phương tiện và các hoạt động dịch vụ tại những điểm giao thông tĩnh, tại các khu vui chơi, giải trí; Phí xây dựng hạ tầng; Phí sử dụng tạm thời đất công, vỉa hè, lòng đường để kinh doanh khi có giấy phép; Phí khai thác và sử dụng nước ngầm...
- Một phần thu từ Quỹ ngày công lao động công ích của toàn Thành phố.
- Các khoản viện trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- Các khoản vốn vay bằng phát hành Trái phiếu công trình đô thị.
- Các khoản kinh phí thu hồi từ các công trình đã được đầu tư từ Quỹ, đã đưa vào sử dụng và một số nguồn thu khác.

Quỹ hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, bảo toàn và phát triển vốn, tự bù đắp chi phí và chịu rủi ro. Lãi suất cho vay của Quỹ do UBND Thành phố quy định cho từng loại dự án đầu tư theo

đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ. Quỹ sẽ được hưởng các chính sách miễn giảm các loại thuế theo quy định của Pháp luật.

Sáu là, một số hình thức thu hút vốn đầu tư từ các nguồn nội lực khác của Thành phố để đầu tư xây dựng CSHTKT.

- Hà Nội có thể sử dụng Quỹ đất của Thành phố để thực hiện phương thức đầu tư đối đất lấy công trình hạ tầng theo hình thức đấu thầu rộng rãi

- Huy động các khoản đóng góp của nhân dân và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn phường, xã thuộc các Quận, Huyện của Thành phố để thành lập các Quỹ đầu tư đường làng, thôn, ngõ xóm.

2. Giải pháp huy động vốn nước ngoài cho đầu tư xây dựng CSHTKT của Thành phố:

Huy động vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI): Cần áp dụng một số giải pháp sau:

Một là: Chính quyền Thành phố phải thực hiện quy hoạch hệ thống CSHTKT mới và trên cơ sở đó lựa chọn các dự án thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài dưới hình thức BOT hoặc BT với 100% vốn nước ngoài.

Các lĩnh vực có thể thu hút FDI phải là các dự án có khả năng thu hồi vốn qua thu phí dịch vụ như dự án xử lý rác thải, xử lý nước thải, các Trung tâm công nghệ cao làm sạch nước thải, chế tạo hoặc lắp ráp các thiết bị làm sạch nước thải của các khu công nghiệp.

Hai là: Nhà nước phải đổi mới một số cơ chế, chính sách tài chính, có tác dụng khuyến khích thu hút FDI vào đầu tư xây dựng CSHTKT của Hà Nội như áp dụng thống nhất về các quyền đối với đất và các chi phí về đất trong xây dựng CSHTKT, không phân biệt doanh nghiệp FDI đầu tư xây dựng CSHTKT; cho phép thu phí và được tính đúng, tính đủ chi phí vào để xác định giá thành sản phẩm và dịch vụ; giảm thuế thu nhập cá nhân cho các chuyên gia khoa học nước ngoài thực hiện các chuyển giao công nghệ cho Hà Nội.

Ba là: Chính quyền Thành phố chỉ đạo tiếp tục đơn giản hoá thủ tục hành chính trong khâu xét duyệt dự án, cấp giấy phép và giám sát thực hiện thi công, kiên quyết thực hiện nguyên tắc "mở cửa" và "một đầu mối" là Sở Kế hoạch và đầu tư là cơ quan duy nhất tiếp nhận hồ sơ và giải quyết các công việc tiếp theo; đồng thời thay mặt nhà đầu tư đi liên hệ với các cơ quan hữu quan, rồi trả lời cho các nhà đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho họ khi đăng ký. Các cơ quan hữu quan phải thông báo công khai các loại giấy tờ và các chi phí có liên quan đến cấp giấy phép.

Giải pháp thu hút vốn ODA

Luận án khẳng định: Việc thu hút vốn nước ngoài dưới hình thức ODA vẫn là một định hướng cơ bản và phải áp dụng một số giải pháp sau đây:

-Chủ động lập, thẩm định chặt chẽ các dự án vay vốn ODA và được thông báo công khai cho các chủ nợ. Trong trường hợp cần thiết phải có sự bảo lãnh của Chính phủ.

-Tổ chức tốt công tác xúc tiến vận động các nhà tài trợ, nhất là các nước chủ nợ lớn như Nhật, Pháp.

-Giải quyết tốt việc bố trí vốn đối ứng, công tác giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh giải ngân; làm tốt khâu đàm phán hiệp định vay nợ.

-Chú trọng nâng cao hiệu quả sử dụng vay ODA để có thể thu hồi vốn trả nợ; thường xuyên đánh giá hiệu quả sử dụng vốn của các dự án ODA để tạo cơ sở dự báo và lập kế hoạch cân đối các nguồn vốn trả nợ, bảo đảm an toàn và ổn định tình hình tài chính - Ngân sách của Thành phố.

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ quản lý của Thành phố, đặc biệt là cán bộ tham gia Ban Giám đốc hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng CSHTKT được tài trợ bằng vốn ODA.

* Việc huy động vốn đầu tư xây dựng hệ thống CSHTKT của Thành phố được thực hiện có hiệu quả hay không có hiệu quả phụ thuộc vào hai yếu tố cơ bản:

+ *Nhóm điều kiện về cơ chế, chính sách và pháp luật của Nhà nước gồm có :*

Về chính sách tài chính ngân sách : Cần phải có sự điều chỉnh phân cấp để lại một số nguồn thu cho thành phố một tỷ lệ cao hơn hiện nay để Thành phố có điều kiện tăng quy mô ngân sách đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kinh tế, cho phép Thành phố được đặt ra một khoản thu phí và mức thu như phí đô thị, phí môi trường, phí điện, nước để tăng thêm nguồn thu cho Ngân sách Thành phố...

Về chính sách đầu tư : Thực hiện phân công, phân cấp mạnh hơn trong quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, cho phép Thành phố được thực hiện một số chức năng, thu hút vốn trong nước và vốn nước ngoài (kể cả vay ODA) gắn liền với trách nhiệm vay và trả nợ.

Về một số cơ chế quản lý kinh tế - tài chính: Sớm nghiên cứu áp dụng mô hình quản lý tài chính mới đối với hệ thống các doanh nghiệp công ích, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế sản xuất ra các sản phẩm công ích; Đặc biệt là cho phép các doanh nghiệp công ích được tính đủ chi phí đầu vào để xác định giá bán sản phẩm dịch vụ cho xã hội.

Về một số cơ chế chính sách trong lĩnh vực xây dựng cơ bản : Nhà nước cần sớm ban hành Luật xây dựng hoặc Pháp lệnh về quy hoạch đô thị của Thành phố; đặc biệt là phải đổi mới cơ chế đấu thầu.

Về một số cơ chế chính sách phối hợp giữa Trung ương và Hà Nội, giữa Hà Nội với các tỉnh, Thành phố khác: Tích cực phối hợp với chính quyền các tỉnh, Thành phố phía Bắc để quy hoạch hệ thống CSH.TKT có chức năng lưu thông trong sử dụng vì lợi ích kinh tế - xã hội của các tỉnh, Thành phố phía Bắc và của cả nước.

+ *Nhóm điều kiện chủ quan thuộc về nhiệm vụ và trách nhiệm của các cấp, các ngành quản lý Nhà nước tại Thành phố gồm các biện pháp cụ thể là:*

Lãnh đạo Thành phố và lãnh đạo các Sở, Ban, Ngành hữu quan phải có trách nhiệm chủ động, sáng tạo, cụ thể hoá các chủ

trong, chính sách của Đảng và Nhà nước...

Kết luận chương 3

Từ việc phân tích nhu cầu về vốn và một số quan điểm tạo lập vốn đầu tư CSHTKT của thành phố Hà Nội, luận án đưa ra 2 hệ thống giải pháp, 2 nhóm điều kiện để thực hiện việc huy động vốn đầu tư xây dựng CSHTKT trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Kết luận

Động viên và khai thác các nguồn vốn tài chính là một giải pháp có vai trò rất quan trọng để tạo các điều kiện tiêu đề vật chất phục vụ cho việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội đến năm 2010 và tầm nhìn 2020, trong đó có mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế của thành phố Hà Nội. Thông qua nghiên cứu đề tài: "Giải pháp huy động vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế trên địa bàn thành phố Hà Nội", Luận án đề cập đến những nội dung chủ yếu sau:

1. Về mặt lý luận: Cơ sở hạ tầng là toàn bộ những điều kiện vật chất - kỹ thuật phục vụ cho quá trình sản xuất và đời sống xã hội của con người; có thể được phân loại theo các tiêu chí khác nhau như: theo công dụng (phân thành cơ sở hạ tầng sản xuất và phi sản xuất), theo hình thái biểu hiện (phân thành cơ sở hạ tầng vật chất và phi vật chất), theo quyền sở hữu và nguồn hình thành (có cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu công cộng, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân), theo ngành kinh tế - xã hội (phân thành: cơ sở hạ tầng ngành giao thông vận tải, thông tin liên lạc, năng lượng điện, nước, văn hoá, giáo dục...), theo cấp quản lý và đối tượng quản lý (phân thành: cơ sở hạ tầng do chính quyền Trung ương và chính quyền địa phương quản lý).v.v.. cơ sở hạ tầng sản xuất có thể gọi là CSHTKT.

Các hình thức tạo vốn đầu tư xây dựng CSHTKT gồm có: Vốn đầu tư trực tiếp từ NSNN, huy động thông qua phát hành Trái phiếu đô thị, vay vốn ODA của nước ngoài, thu hút vốn FDI và tạo lập vốn thông qua các quỹ hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng đô thị và nhiều nguồn lực đóng góp khác của các tầng lớp thị dân. Trong đó, vốn đầu tư trực

tiếp của NSNN là chủ yếu, đặc biệt là nguồn vốn đầu tư của ngân sách địa phương.

Trong quá trình xây dựng và phát triển hệ thống CSHTKT, luận án cho rằng việc phân cấp tài chính và quản lý đầu tư xây dựng CSHTKT có vai trò đặc biệt quan trọng.

2. Về mặt thực tiễn: Luận án đã phân tích, đánh giá tình hình phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian đổi mới, trong đó phân tích sâu sắc các kết quả đạt được trên các mặt; đồng thời chỉ rõ các mặt tồn tại như hệ thống CSHTKT còn yếu kém về số lượng và chất lượng, chưa đáp ứng được như cầu của một đô thị hiện đại là Thủ đô của đất nước.

Để đi sâu, phân tích và giải quyết các mục tiêu nghiên cứu của đề tài, luận án đã phân tích tình hình huy động vốn đầu tư xây dựng CSHTKT trên địa bàn Thành phố Hà Nội, trong đó đánh giá rõ các kết quả đạt được, các mặt tồn tại trong động viên các nguồn vốn trong nước và nước ngoài, đặc biệt đi sâu phân tích các nguồn vốn chiếm tỷ lệ lớn trong tổng vốn đầu tư cho CSHTKT là vốn đầu tư từ Ngân sách Nhà nước và vốn ODA.

Luận án đã dự báo nhu cầu về vốn đầu tư xây dựng hệ thống CSHTKT của Thành phố đến năm 2010. Đây là những luận cứ quan trọng để xác định 3 quan điểm về tạo lập nguồn tài chính đầu tư xây dựng CSHTKT trên địa bàn thành phố Hà Nội. Từ đó, Luận án đã đưa ra các giải pháp huy động các nguồn vốn trong nước và các nguồn vốn nước ngoài phù hợp với thực tế ở Việt Nam và xu thế vận động của các nguồn vốn trong bối cảnh tự do hoá các hoạt động đầu tư dưới sự tác động của toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế. Luận án cũng đã đề cập và phân tích các điều kiện khách quan và chủ quan có tác dụng quan trọng đến việc thực hiện có hiệu quả các giải pháp huy động vốn đầu tư xây dựng hệ thống CSHTKT của thành phố Hà Nội - Thủ đô anh hùng của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trên đây là những nội dung cơ bản của luận án mang tính khái quát cả về lý luận và thực tiễn. Cơ sở hạ tầng kinh tế và việc huy động vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế là những vấn đề tuy không mới, nhưng còn chứa đựng nhiều vấn đề bức xúc và cấp bách cả về lý luận và thực tiễn. Vì vậy, nó cần tiếp tục được nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện trong suốt cả quá trình hiện đại hoá và đô thị hoá của Hà Nội.

NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1-Ngô Thị Năm (1996) - Những giải pháp đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật nhằm chuyển đổi cơ cấu kinh tế phù hợp với tình hình phát triển đô thị, công nghiệp hoá - hiện đại hoá của Huyện ven đô. Báo cáo đề tài khoa học cấp Thành phố (Hà nội).

2-Ngô Thị Năm (1998) - Đổi mới nội dung chi ngân sách Huyện nhằm phục vụ có hiệu quả sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước. Báo cáo đề tài khoa học cấp Thành phố (Hà nội).

3-Ngô Thị Năm (1998) - Cần sớm có chế độ quản lý thống nhất về phí và lệ phí. Báo tạp chí tài chính số 12 (410), trang 34.

4-Ngô Thị Năm (2001) - Hình thức huy động vốn đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế. Tạp chí tài chính số 12, trang 36.

5-Ngô Thị Năm (2001) - Các nguyên tắc đảm bảo phân cấp tài chính tối ưu giữa các cấp chính quyền. Thị trường Tài chính Tiền tệ số 24 (102), trang 18.